

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI  
BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM  
141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
GPKD: 28/GP/KDBH do BTC cấp ngày  
15/11/2004

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- ≡ -----

Số: /2019/NQ-DHĐCĐ

Hà Nội ngày 24 tháng 4 năm 2019

**(dự thảo) NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM**

Căn cứ:

- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 ngày 24 tháng 4 năm 2019;

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Thông qua báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty Deloitte Việt Nam:

**1.1. *Phê duyệt báo cáo tài chính riêng năm 2018:*** Một số chỉ tiêu chính

- Tổng tài sản: 6.456.010.767.070 VND
- Vốn chủ sở hữu: 2.812.197.654.904 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
  - Dự phòng Nhượng TBH:* 1.661.557.380.832 VND
  - Dự phòng Nhận TBH:* 2.733.572.296.928 VND

| Chỉ tiêu                                                                          | Thực hiện 2017<br>(VND)  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| <b>Doanh thu phí nhận Tái bảo hiểm</b>                                            | <b>1.802.718.232.456</b> |
| ▪ Doanh thu phí nhận không bao gồm hoạt động thí điểm Bảo hiểm Nông nghiệp (BHNN) | 1.651.471.980.448        |
| ▪ Doanh thu phí nhận hoạt động thí điểm BHNN                                      | 0                        |
| <b>Phí giữ lại</b>                                                                | <b>784.786.428.263</b>   |
| ▪ Phí giữ lại không bao gồm hoạt động thí điểm BHNN                               | 784.741.146.563          |
| ▪ Phí giữ lại hoạt động thí điểm BHNN                                             | 45.281.700               |

|                                                                                    |                        |
|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| <b>Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác</b>                      | <b>260.249.437.033</b> |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                                                        | <b>315.679.806.761</b> |
| ▪ Trong đó, lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá <i>(không được dùng để chia cổ tức)</i> | 5.377.691.054          |

**Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh được giao.**

**1.2. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018:** Một số chỉ tiêu chính :

- Tổng tài sản: 6.673.926.262.455 VND
- Vốn chủ sở hữu: 2.986.419.487.636 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
- Dự phòng Nhượng TBH:* 1.661.557.380.832 VND
- Dự phòng Nhận TBH:* 2.733.572.296.928 VND

**Điều 2:** Phê duyệt phương án phân phối lợi tức năm 2018, nội dung chủ yếu như sau:

**2.1 Các chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện:**

| <b>Chỉ tiêu lợi nhuận</b>                                   | <b>Số tiền (VND)</b>   |
|-------------------------------------------------------------|------------------------|
| <b>Lợi nhuận còn lại tại ngày 1/1/2018</b>                  | <b>355.012.422.918</b> |
| ▪ Lợi nhuận được phân phối                                  | 283.946.553.382        |
| ▪ Lợi nhuận không được phân phối <i>(chênh lệch tỷ giá)</i> | 71.065.869.536         |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2018</b>                | <b>261.454.081.113</b> |
| ▪ Lợi nhuận được phân phối                                  | 256.076.390.059        |
| ▪ Lợi nhuận không được phân phối <i>(chênh lệch tỷ giá)</i> | 5.377.691.054          |
| <b>Lợi nhuận sau thuế lũy kế 31/12/2018</b>                 | <b>616.466.504.031</b> |
| ▪ Lợi nhuận được phân phối                                  | 540.022.943.441        |
| ▪ Lợi nhuận không được phân phối <i>(chênh lệch tỷ giá)</i> | 76.443.560.590         |

**2.2 Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế 2018:**

| <b>Phân phối lợi nhuận sau thuế 2018</b>                              | <b>Số tiền (VND)</b> |
|-----------------------------------------------------------------------|----------------------|
| Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc <i>(5% Lợi nhuận sau thuế hàng năm)</i> | 4.877.597.594        |

|                                                               |                        |
|---------------------------------------------------------------|------------------------|
| <i>cho đến khi quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% Vốn điều lệ)</i>  |                        |
| Trích lập Quỹ phát triển kinh doanh (2% Lợi nhuận sau thuế)   | 5.121.527.801          |
| Quỹ khen thưởng (1,5% Lợi nhuận sau thuế)                     | 3.841.145.851          |
| Quỹ Phúc lợi Tổng Công ty (01 tháng lương thực hiện)          | 4.026.599.888          |
| Chi trả cổ tức năm 2018 (tỷ lệ 12%)                           | 157.291.124.400        |
| Giảm lợi nhuận sau thuế phần tài sản thuế TNDN hoãn lại       | 421.202.827            |
| <b>Lợi nhuận còn lại</b>                                      | <b>440.887.305.670</b> |
| ▪ Lợi nhuận được phân phối                                    | 364.443.745.080        |
| ▪ Lợi nhuận không được phân phối ( <i>chênh lệch tỷ giá</i> ) | 76.443.560.590         |

(Mức trích lập các quỹ đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận tại Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ/2006 và sửa đổi một số điểm theo Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ/2008)

**Điều 3:** Phê duyệt thù lao (bao gồm cả thuế) của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, tổ thư ký Hội đồng quản trị năm 2018: **2.490.000.000 VND**. (Mức chi thù lao đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ)

**Điều 4:** Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2019 bao gồm các chỉ tiêu chính như sau:

Đơn vị Tr. VND

| Chỉ tiêu                                                                    | Kế hoạch 2019            | Thực hiện 2018   | Tăng trưởng  |
|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------|--------------|
| <b>Doanh thu phí nhận</b>                                                   | <b>1.967.000</b>         | <b>1.802.718</b> | <b>9,1%</b>  |
| <b>Phí giữ lại</b>                                                          | <b>944.600</b>           | <b>784.741</b>   | <b>20,4%</b> |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                                                 | <b>331.000</b>           | <b>315.680</b>   | <b>4,9%</b>  |
| - Chênh lệch tỷ giá ( <i>không được phân phối</i> )                         | ( <i>chưa xác định</i> ) | 5.378            |              |
| - Lợi nhuận không bao gồm chênh lệch tỷ giá ( <i>không được phân phối</i> ) | 331.000                  | 310.302          | <b>6,7%</b>  |
| <b>Tỷ lệ cổ tức dự kiến</b>                                                 | <b>12%</b>               | <b>12%</b>       |              |

**Điều 5:** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 2018 (*báo cáo đính kèm*).

**Điều 6:** Thông qua Báo cáo giám sát của Ban Kiểm soát 2018 (*báo cáo đính kèm*).

**Điều 7:** Sửa đổi Điều 9 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của VINARE như sau: Bỏ khoản 3 quy định về “Cơ phần Bị Hạng Chế”.

**Điều 8:** Phê chuẩn việc miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát sau đây:

- Ông Martyn Parker – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Beat Schnegg – Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Trần Vĩnh Đức – Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Phan Kim Bằng – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Deepak Mohan – Thành viên Ban Kiểm soát

**Điều 9:** Phê chuẩn ông Vũ Anh Tuấn giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị VINARE nhiệm kỳ 2015 – 2019.

**Điều 10:** Phê chuẩn ông Nguyễn Xuân Việt giữ chức danh Hội đồng quản trị VINARE nhiệm kỳ 2015 – 2019.

**Điều 11:**

11.1 Thông qua việc điều chỉnh các chỉ tiêu phát triển giai đoạn 2015-2020 như sau:

- Tốc độ tăng trưởng Phí nhận 2015-2020: 5,8%/năm
- Tốc độ tăng trưởng Phí giữ lại 2015-2020: 13%/năm
- Tỷ lệ Combined ratio bình quân: 93%
- ROE bình quân: 9%

11.2 Tạm thời ghi nhận Vốn điều lệ 1.310 tỷ VND ở thời điểm hiện tại. Trong trường hợp cần thiết và điều kiện thuận lợi phát hành bổ sung, Tổng công ty sẽ báo cáo sau.

11.3 Tiếp tục thực hiện chủ trương phát triển và các giải pháp đã đề ra trong định hướng phát triển VINARE giai đoạn 2015-2020 đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

11.4 Tổng Công ty tiếp tục nghiên cứu và xây dựng định hướng phát triển VINARE giai đoạn 2021-2025.

**Điều 12:** Thông qua phương thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm 2019:

12.1 Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2019, bao gồm các công ty sau:

- a. Công ty KPMG Việt nam
- b. Công ty Deloitte Việt Nam
- c. Công ty Ernst & Young Việt Nam
- d. Công ty Pricewaterhouse Coopers

12.2 Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn 01 công ty kiểm toán độc lập trong danh sách đã phê duyệt để sử dụng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

**Điều 13:** Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 24 tháng 4 năm 2019. Hội đồng quản trị và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS, BGD

- Lưu: Thư ký HĐQT, KT, ĐT

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Lê Song Lai**